

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G**

Bản án số: 26/2020/DS-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Thông;
2. Ông Lê Văn Do.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2020 về: *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C Việt Nam. Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Hoài Nam - Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C Việt Nam chi nhánh G. Địa chỉ: 01 Trần Hưng đạo, thành phố P, tỉnh G (Theo Quyết định V/v phân công người tham gia tố tụng số 78/QĐ-CNGL-TH ngày 29/9/2020). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị PH, sinh năm 1980. Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/3/2020, bản tự khai ngày 13/3/2020, các tài liệu có tại hồ sơ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C Việt Nam là ông Đinh Hoài Nam trình bày:

Ngân hàng TMCP C Việt Nam cho bà Võ Thị PH vay vốn theo Hợp đồng cho vay số 1428/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 27/09/2018: Số tiền cho vay là 320.000.000đồng, nhận nợ theo giấy nhận nợ số 01 ngày 27/09/2018 với số tiền là 250.000.000đồng và giấy nhận nợ số 02 ngày 28/09/2018 với số tiền là 70.000.000đồng; thời hạn cho vay 12 tháng, trả nợ gốc là ngày 27/09/2019 và trả lãi vào ngày 05 hàng tháng; mục đích vay để chăm sóc cây tiêu.

Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng cho vay nêu trên, bà Võ Thị PH thế chấp cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam những tài sản:

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Làng Ktu, xã Kon Gang, huyện Đ Đ, tỉnh G, tờ bản đồ số 58, thửa đất số 76, diện tích 4982.3m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC607761 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 22/01/2016 mang tên Phạm Đình Dũng đã chính lý sang tên cho bà Võ Thị PH vào ngày 11/8/2017. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1486/HĐTC ngày 27/09/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ Đ, tỉnh G;

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Làng Ktu, xã Kon Gang, huyện Đ Đ, tỉnh G, tờ bản đồ số 52, thửa đất số 117, diện tích 3444m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL619760 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 16/11/2017 mang tên Võ Thị PH và Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Làng Ktu, xã Kon Gang, huyện Đ Đ, tỉnh G, tờ bản đồ số 52, thửa đất số 135, diện tích 1702.9m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI881420 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 05/06/2017 mang tên Nguyễn Văn Côi và Nguyễn Thị Vườn đã chính lý sang tên cho bà Võ Thị PH vào ngày 17/10/2017. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1791/HĐTC ngày 06/12/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ Đ, tỉnh G.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay bà Võ Thị PH đã vi phạm thời hạn trả nợ khi đến hạn dù Ngân hàng đã thông báo, mời làm việc nhưng bà Võ Thị PH vẫn không trả được nợ.

Nay Ngân hàng TMCP C Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị PH phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam tính đến ngày 29/9/2020 với số tiền 370.952.330đồng (ba trăm bảy mươi triệu chín trăm năm

hai nghìn ba trăm ba mươi đồng), trong đó số tiền gốc là 320.000.000đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi trong hạn là 33.968.219đồng (ba mươi ba triệu chín trăm sáu tám nghìn hai trăm mười chín đồng), số tiền lãi quá hạn là 16.984.111đồng (mười sáu triệu chín trăm tám bốn nghìn một trăm mười một đồng).

Buộc bà Võ Thị PH phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP C Việt Nam kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Võ Thị PH không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam trong thời hạn nêu trên, Ngân hàng TMCP C Việt Nam đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ.

Về án phí và các chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP C Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị PH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật. Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Ngân hàng TMCP C Việt Nam tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Võ Thị PH, nhưng khi thay đổi nơi cư trú bà Võ Thị PH không thông báo cho bên nguyên đơn biết, bà PH đã cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật để bà Võ Thị PH tham gia tố tụng và trình bày ý kiến, nhưng bà Võ Thị PH không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn bà Võ Thị PH đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi cư trú cuối cùng của bị đơn bà Võ Thị PH tại huyện Đ Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ Đ theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh, nên tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng.

Bị đơn là bà Võ Thị PH đã được Tòa án Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng bà Võ Thị PH đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, bà Võ Thị PH đã cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền và từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt, không cung cấp lời khai, chứng cứ, tài liệu để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng cho vay số 1428/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 27/09/2018, kèm giấy nhận nợ số 01 ngày 27/09/2018 và giấy nhận nợ số 02 ngày 28/09/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn đã không thanh toán đúng hạn khoản nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng TMCP C Việt Nam yêu cầu bà Võ Thị PH thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2020 là 370.952.330 đồng (trong đó, nợ gốc là 320.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 33.968.219 đồng, số tiền lãi quá hạn là 16.984.111 đồng) và tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán từ ngày 30/9/2020 cho đến khi bà Võ Thị PH trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý tài sản thế chấp: Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bà Võ Thị PH không trả được số nợ trên thì Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng khi vay tiền, để bảo đảm cho khoản nợ vay nói trên, bà Võ Thị PH đã thế chấp cho nguyên đơn các tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu hợp pháp của mình, tài sản gồm:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Làng Ktu, xã Kon Gang, huyện Đ Đ, tỉnh G, tờ bản đồ số 58, thửa đất số 76, diện tích 4982.3m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC607761 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 22/01/2016 mang tên Phạm Đình Dũng đã chỉnh lý sang tên cho bà Võ Thị PH vào ngày 11/8/2017, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1486/HĐTC ngày 27/09/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ Đ, tỉnh G;

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Làng Ktu, xã Kon Gang, huyện Đ Đ, tỉnh G, tờ bản đồ số 52, thửa đất số 117, diện tích 3444m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL619760 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 16/11/2017 mang tên Võ Thị PH và Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Làng Ktu, xã Kon Gang, huyện Đ Đ, tỉnh G, tờ bản đồ số 52, thửa đất số 135, diện tích 1702.9m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI881420 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 05/06/2017 mang tên Nguyễn Văn Côi và Nguyễn Thị Vườn đã chỉnh lý sang tên cho bà Võ Thị PH vào ngày 17/10/2017. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1791/HĐTC ngày 06/12/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ Đ, tỉnh G.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1486/HĐTC ngày 27/09/2017 và 1791/HĐTC ngày 06/12/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ Đ, tỉnh G, đã được Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ Đ, tỉnh G thì thấy rằng: Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng. Mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng hợp pháp nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành.

Tại Biên bản xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 20/8/2020, Hội đồng xem xét và thẩm định tại chỗ xác định tài sản trên: thửa đất số 135 hiện có cây cà phê trồng năm 2015; thửa đất số 32 hiện có cây cà phê trồng năm 2015 và trụ sống trồng tiêu; thửa đất số 117 hiện có cây cà phê trồng năm 2015. Tại thời điểm xem xét và thẩm định tại chỗ không có người chăm sóc cây trồng trên đất. Ủy ban nhân dân xã Kon Gang xác nhận

chưa nhận đơn tranh chấp đối với 03 thửa đất và tài sản trên đất nêu trên. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định tài sản thế chấp nói trên hiện không có tranh chấp.

Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, buộc bà Võ Thị PH phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000đồng. Ngân hàng TMCP C Việt Nam đã nộp đủ. Do vậy, bà Võ Thị PH phải hoàn lại cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000đồng.

Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Ngân hàng TMCP C Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm là 18.547.616đồng (*mười tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm mười sáu đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

2. Buộc bà Võ Thị PH phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam theo Hợp đồng cho vay số 1428/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 27/09/2018: Số tiền 370.952.330đồng (*ba trăm bảy mươi triệu chín trăm năm hai nghìn ba trăm ba mươi*

đồng), trong đó số tiền gốc là 320.000.000đồng (*ba trăm hai mươi triệu đồng*) và số tiền lãi trong hạn là 33.968.219đồng (*ba mươi ba triệu chín trăm sáu tám nghìn hai trăm mười chín đồng*), số tiền lãi quá hạn là 16.984.111đồng (*mười sáu triệu chín trăm tám bốn nghìn một trăm mười một đồng*) và tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán từ ngày 30/9/2020 cho đến khi bà Võ Thị PH trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Trong trường hợp bà Võ Thị PH không trả được hoặc trả không đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam, thì Ngân hàng TMCP C Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bà Võ Thị PH thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Làng Ktu, xã Kon Gang, huyện Đ Đ, tỉnh G, tờ bản đồ số 58, thửa đất số 76, diện tích 4982.3m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC607761 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 22/01/2016 mang tên Phạm Đình Dũng đã chính lý sang tên cho bà Võ Thị PH vào ngày 11/8/2017, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1486/HĐTC ngày 27/09/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ Đ, tỉnh G;

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Làng Ktu, xã Kon Gang, huyện Đ Đ, tỉnh G, tờ bản đồ số 52, thửa đất số 117, diện tích 3444m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL619760 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 16/11/2017 mang tên Võ Thị PH và Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Làng Ktu, xã Kon Gang, huyện Đ Đ, tỉnh G, tờ bản đồ số 52, thửa đất số 135, diện tích 1702.9m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI881420 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh G cấp ngày 05/06/2017 mang tên Nguyễn Văn Côi và Nguyễn Thị Vườn đã chính lý sang tên cho bà Võ Thị PH vào ngày 17/10/2017. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1791/HĐTC ngày 06/12/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ Đ, tỉnh G.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Võ Thị PH phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000đồng (*bảy triệu đồng*).

5. Về án phí: Buộc bà Võ Thị PH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.547.616đồng (*mười tám triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm mười sáu đồng*). Ngân hàng TMCP C Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.519.900đồng

(tám triệu năm trăm mười chín nghìn chín trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005331 ngày 12/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Đ, tỉnh G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng TMCP C Việt Nam có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn bà Võ Thị PH vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ